MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 29/3/2023

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,056.33	205.59
% Thay đổi	0.19%	-0.08%
KLGD (CP)	452,178,356	58,111,285
GTGD (tỷ đồng)	8,296.37	800.91
Tổng cung (CP)	1,103,955,837	107,636,900
Tổng cầu (CP)	1,107,859,812	92,122,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	28,433,300	772,419
KL mua (CP)	19,472,600	202,318
GT mua (tỷ đồng)	604.84	6.03
GT bán (tỷ đồng)	812.84	10.63
GT ròng (tỷ đồng)	(208.00)	(4.60)

Tương quan cung cầu HOSE

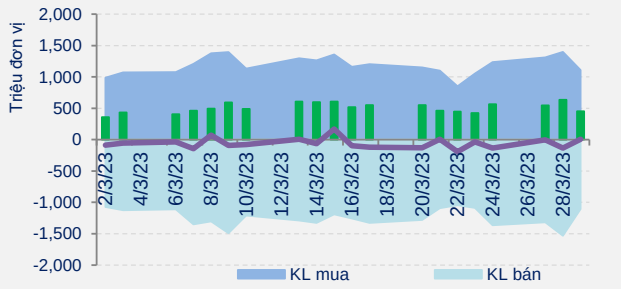

Giá trị Giao dịch NDTNN HOSE

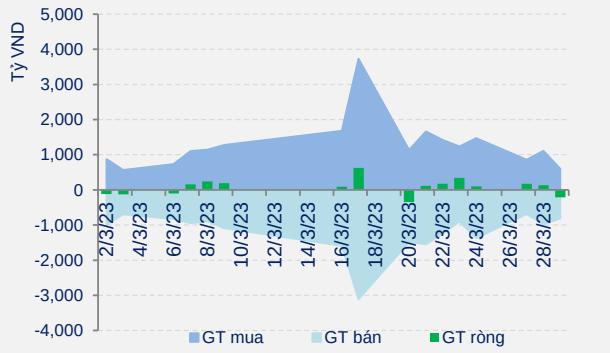

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX

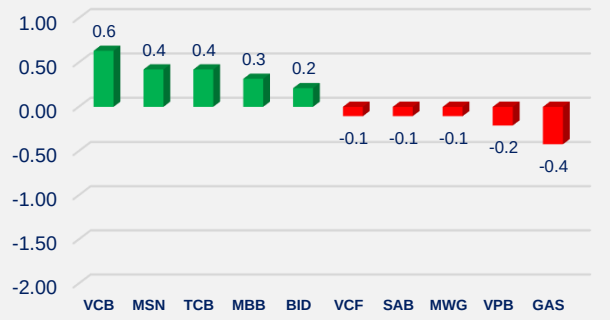

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX chịu áp lực điều chỉnh, rung lắc về quanh 1.050 điểm với thanh khoản suy giảm trong phiên sáng và bắt đầu phục hồi trở lại trong phiên chiều. Kết phiên VN-INDEX tăng 2,04 điểm (+0,19%), mức tăng đúng bằng phiên hôm qua với thanh khoản giảm khá mạnh. Độ rộng thiên về tiêu cực với 216 mã giảm điểm (04 mã giảm sàn) nhưng áp lực bán không mạnh thể hiện ở khối lượng giao dịch thấp, 147 mã tăng điểm (03 mã tăng trần) và 82 mã tham chiếu. HNX-INDEX giảm nhẹ 0,17 điểm (-0,08%) xuống mức 205,59 điểm với 75 mã tăng điểm (07 mã tăng trần), 70 mã giảm điểm (06 mã giảm sàn) và 69 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 9.097,28 tỉ đồng, giảm khá mạnh -26,14% so với phiên trước. Tuy nhiên vẫn có nhiều mã đột biến khối lượng mạnh phân hóa trong các ngành chứng khoán, thép, xây dựng, bán lẻ... Nhà đầu tư nước ngoài sau nhiều phiên mua ròng, quay trở lại bán ròng trên HOSE với giá trị bán ròng khá mạnh 208 tỉ đồng. Bán ròng HNX với giá trị 4,60 tỉ đồng.

Thị trường phân hóa trái chiều và mặc dù thanh khoản trong phiên giảm mạnh nhưng nhóm cổ phiếu chứng khoán, dịch vụ tài chính lại có diễn biến tích cực nhất như BSI (+6,91%), FTS (+6,75%), CTS (+3,90%), VCI (+3,47%)... Nhóm cổ phiếu ngân hàng phân hóa, biến động hẹp và có tính chất giữ nhịp chỉ số chung của thị trường.

Nhóm bất động sản ngoại trừ NBB (+6,69%), CII (+2,39%) tích cực đột biến thì đa số phân hóa với thanh khoản suy giảm dưới trung bình như DIG (+1,94%), CEO (+1,40%), NTL (-1,16%), NLG (-079%) HDG (-0,66%), NVL (-0,40%).

Nhóm cổ phiếu bán lẻ phân hóa sau phiên hồi phục trước với nhiều mã chịu áp lực điều chỉnh với khối lượng đột biến mạnh như DGW (-3,23%), FRT (-2,47%) trong khi tiếp tục phục hồi với MSN (+1,55%).

Các cổ phiếu xây dựng, vật liệu xây dựng, đầu tư công phân hóa, nhiều mã chịu áp lực bán phiên trước đã phục hồi tốt trở lại như CTD (+4,17%), KSB (+2,01%), HT1 (+1,63%), LCG (+1,56%). Các nhóm ngành khác đa phần phân hóa trong bối cảnh chờ các thông tin về tình hình kết quả kinh doanh quí I/2023 cũng như thị trường chung đang đến thời điểm kết thúc, chốt NAV Quí I/2023.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2304 kết phiên tăng 4,5 điểm (0,43%), tiếp tục thu hẹp mức chênh lệch xuống -5,45 điểm so với VN30. Tỉ lệ khối lượng mở OI trên tổng khối lượng giao dịch vẫn ở mức cao cho thấy các vị thế nắm giữ theo xu hướng vẫn tốt, tỉ lệ nhà đầu tư lớn cao. Các kỳ hạn dài hơn VN30F2305, VN30F2306, VN30F2309 mức chênh lệnh từ -9,85 điểm đến -14,45 điểm cho thấy các trader vẫn chưa lạc quan về khả năng đảo chiều tích cực của VN30 trong tương lai.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 29/3/2023

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Thị trường tiếp tục dao động trong biên độ hẹp phiên hôm nay, trong phần lớn thời gian VnIndex vận động dưới tham chiếu nhưng lực cầu mạnh dần về cuối phiên giúp chỉ số này đóng cửa tăng nhẹ 2,04 điểm, tuy nhiên khối lượng giao dịch toàn phiên giảm mạnh so với các phiên trước và thấp hơn trung bình 20 phiên. VnIndex biến động rất nhẹ gần như đi ngang không làm thay đổi nhiều về trạng thái kỹ thuật của chỉ số này, chỉ số vẫn vận động trên đường MA20 và tiếp tục duy trì xu hướng tăng trong kênh uptrend ngắn hạn. Khả năng VnIndex có thể duy trì vận động trong kênh tăng ngắn hạn để hướng tới vùng mục tiêu 1.150 điểm vẫn được duy trì.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục chuỗi hồi phục 7 phiên liên tiếp với biên độ tăng 2 phiên gần đây rất nhỏ, VnIndex quay trở lại kênh tăng giá ngắn hạn và nằm trên đường MA20. Khối lượng giao dịch bất ngờ giảm thấp so với các phiên vừa qua cho thấy động lực hồi phục ngắn hạn có dấu hiệu chững lại khi nhà đầu tư thận trọng trước diễn biến phân hóa mạnh của thị trường và chỉ số đang tiến gần tới vùng 1.060 điểm (đỉnh ngày 15/3/2023). Với góc nhìn ngắn hạn, VnIndex đã trở lại kênh hồi phục ngắn hạn với động lực tăng khả quan, xác suất VnIndex duy trì xu hướng tăng ngắn hạn để hướng tới khu vực 1.150 hoặc cao hơn đang lớn dần lên.

Xu hướng trung - dài hạn của thị trường không thay đổi như chúng tôi đã nhắc tới trong các bản tin thời gian qua là tích lũy trước khi tạo ra một xu hướng tăng điểm (uptrend) thực sự mạnh mẽ và quá trình này dự báo sẽ diễn ra trong thời gian dài. Mặt bằng giá cổ phiếu hiện tại đang tương đối hấp dẫn sau thời gian dài thị trường rơi vào downtrend và phù hợp với tích lũy cổ phiếu và nắm giữ cho trung hạn (chờ giai đoạn bùng nổ tiếp theo), mục tiêu giải ngân nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là giải ngân dần trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Nhà đầu tư ngắn hạn nên hạn chế mua đuổi cổ phiếu ở các vùng giá cao và duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở dưới mức trung bình khi VN-Index sẽ tiếp tục giằng co, rung lắc khi tiến tới gần khu vực 1.060 điểm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp !

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 29/3/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	
LPB	15.35	13-14	17.5-18.5	12	5.4		57.0%	Theo dõi chờ giải ngân
DCM	24.40	23-24.5	30-31	19	3.0	61.3%	134.5%	Theo dõi chờ giải ngân
ANV	31.25	27-30	34-35	23	5.9	40.1%	423.3%	Theo dõi chờ giải ngân
DGC	51.90	46-49	66-67	43	3.5	51.2%	133.1%	Theo dõi chờ giải ngân
STB	25.35	23-24.5	29-30	22	9.5		47.8%	Theo dõi chờ giải ngân
PVS	25.30	24-25	29-30	22	15.7	15.6%	28.5%	Theo dõi chờ giải ngân
DBC	13.90	13-14.2	21-22	11.5	22.4	13.5%	-81.9%	Theo dõi chờ giải ngân
GVR	14.75	13.5-15	19-20	12	15.4	-3.3%	-8.2%	Theo dõi chờ giải ngân
DPG	27.50	26-27.5	35-36	23	4.4	30.4%	15.0%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	33.55	33-34.5	44-46	30	3.0	63.9%	84.5%	Theo dõi chờ giải ngân
BVS	17.70	17-18	24-26	15	8.9	-24.9%	-49.3%	Theo dõi chờ giải ngân
VCI	32.80	28-30	36-37	27	16.4	-14.9%	-42.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/2/2023	BCM	82.20	84.00	110	81	-2.14%	Nắm giữ
16/2/2023	POW	13.35	12.10	16-16.5	12.5	10.33%	Nắm giữ
3/8/2023	SZC	28.70	26.90	33-35	26	6.69%	Nắm giữ
3/9/2023	CSV	27.45	27.40	34-36	26	0.18%	Nắm giữ
3/9/2023	IDC	39.60	39.90	47-49	36.5	-0.75%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

CPI quý 1/2023 tăng 4,18%	Theo Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội quý 1/2023 của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) quý 1 tăng 4,18% so với cùng kỳ năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 5,01%.
Việt Nam sắp cán mốc 100 triệu người, trở thành nước đông dân thứ 15 của thế giới	Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA) tại Việt Nam cho biết dân số Việt Nam sẽ sớm đạt 100 triệu người và dấu mốc này sẽ đưa Việt Nam trở thành quốc gia đông dân thứ 15 trên thế giới.
GDP quý 1 năm 2023 của Việt Nam tăng 3.32%	Theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 1 năm 2023 ước tính tăng 3.32% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 3.21% của quý 1 năm 2020 trong giai đoạn 2011-2023.
Quý I/2023, thu nhập bình quân của người lao động tăng 578.000 đồng/tháng	Tình hình lao động, việc làm quý I/2023 phục hồi tích cực, lực lượng lao động, số người có việc làm tăng so với quý trước và cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng là 7,9 triệu đồng, tăng 578.000 đồng.
Việt Nam - Trung Quốc mở tuyến du lịch vàng "2 quốc gia - 6 điểm đến"	Chiều nay (28/3), hội nghị xúc tiến khởi động tuyến du lịch vàng "2 quốc gia - 6 điểm đến" giữa Việt Nam và Trung Quốc đã diễn ra tại Hà Nội.
12 khoản tiền của người lao động sẽ tăng khi tăng lương cơ sở	Từ ngày 1-7-2023, lương cơ sở sẽ tăng lên 1,8 triệu đồng/tháng. Do vậy, một số chế độ chính sách dành cho người lao động cũng sẽ tăng.
Dàn trận tăng tốc thi công, đảm bảo tiến độ 'siêu' sân bay Long Thành	Dự án giai đoạn I có tổng mức đầu tư trên 100.000 tỷ đồng (xấp xỉ 4,7 tỷ USD), với 1 đường cất/hạ cánh, nhà ga hành khách quy mô 25 triệu khách/năm, hoàn thành đưa vào khai thác trong năm 2026.
Xem xét 'cắt' hợp đồng nhà thầu BOT nổi tiếng tại dự án sân bay Phan Thiết	TPO - Tỉnh Bình Thuận đã lập tổ công tác liên ngành nghiên cứu, rà soát quy định pháp luật, các điều khoản của hợp đồng BOT đã ký kết với Tập đoàn Rạng Đông tại dự án Cảng hàng không Phan Thiết để xem xét kết thúc hợp đồng.

TIN CHỨNG KHOÁN	
DGW giảm gần một nửa chỉ tiêu lợi nhuận 2023	Theo tài liệu trình ĐHĐCĐ 2023, CTCP Thế Giới Số (HOSE: DGW) đặt kế hoạch lợi nhuận sau thuế 2023 ở mức 400 tỷ đồng, giảm 42% so với năm trước.
PET: Lãi trước thuế 2 tháng đầu năm giảm 50%	Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco, HOSE: PET) vừa công bố kết quả kinh doanh 2 tháng đầu năm 2022.
Lãi ròng 2022 của LHC vơi gần 5 tỷ đồng sau kiểm toán	So với BCTC tự lập, lợi nhuận ròng 2022 của CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (HNX: LHC) giảm gần 5 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 6%, xuống còn hơn 74 tỷ đồng.
GSP đặt kế hoạch lãi sau thuế giảm 6%	Theo tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2023, CTCP Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế (HOSE: GSP) lên kế hoạch lãi sau thuế năm nay đạt 76.2 tỷ đồng, giảm 6% so với năm trước.
TDW dự kiến lãi sau thuế 2023 giảm nhẹ	CTCP Cấp nước Thủ Đức (HOSE: TDW) vừa công bố tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2023 với nội dung chính là kế hoạch sản xuất kinh doanh.
Dược Cửu Long dự tính không chia cổ tức 2022, mục tiêu tăng lợi nhuận hơn 13%	Theo tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2023 mới công bố, CTCP Dược phẩm Cửu Long (HOSE: DCL) đặt ra một số chỉ tiêu kinh doanh tăng trưởng so với năm trước.
Lãi sau thuế của VCG "bốc hơi" 118 tỷ đồng sau kiểm toán	QCG đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ dự án Thủy điện IaGrai 1 tại tỉnh Gia Lai. Thời gian chuyển nhượng dự kiến trong quý 2/2023. Giá chuyển nhượng tối thiểu bằng giá trị sổ sách tại thời điểm chuyển nhượng.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên

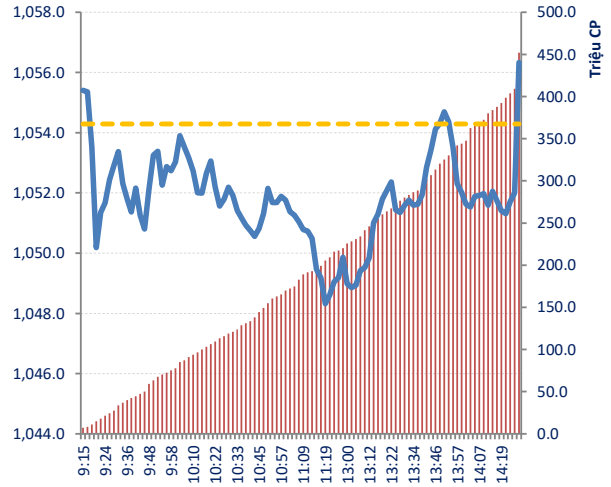

KLGD và HNX-Index trong phiên

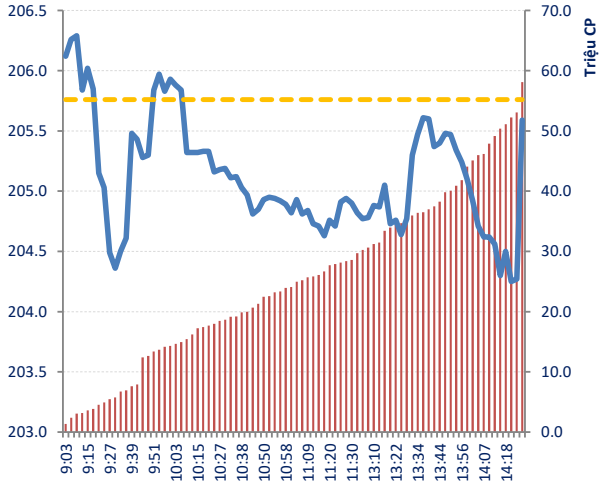

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

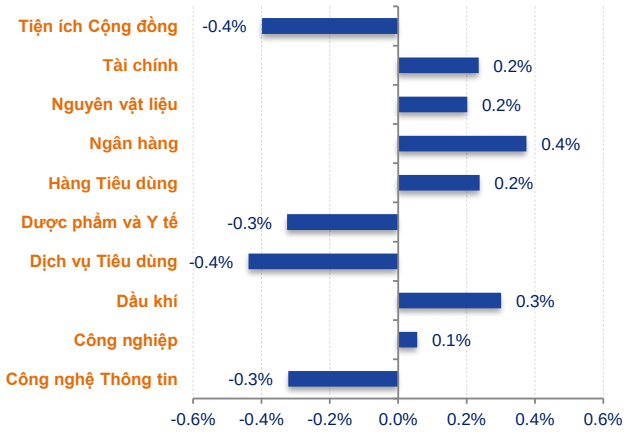

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

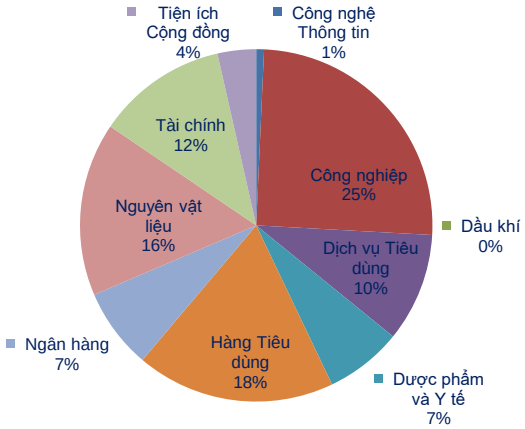

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

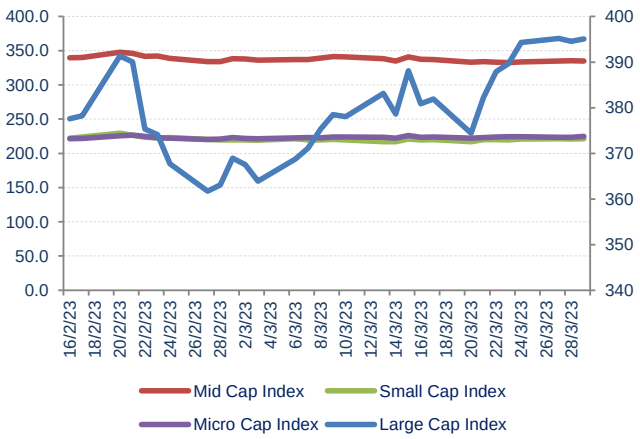

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

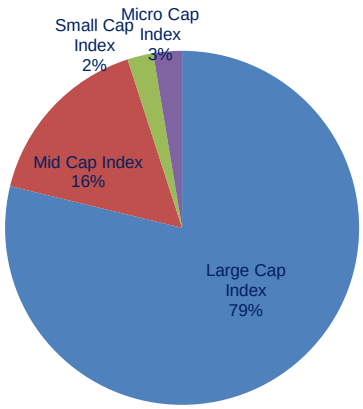

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ

HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	1,504,100	VPB	3,741,700
2	MBB	1,049,100	STB	3,243,800
3	POW	426,400	VND	2,554,700
4	VCI	407,500	SSI	2,129,100
5	SHB	397,500	GMD	790,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	10.85	10.80	-0.46%	27,690,300
HSG	16.25	16.55	1.85%	21,318,200
HPG	20.70	20.80	0.48%	18,258,840
STB	25.40	25.35	-0.20%	17,607,400
VPB	21.00	20.90	-0.48%	16,599,052

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TGG	3.86	4.13	0.27	6.99%
BSI	19.55	20.90	1.35	6.91%
LEC	5.43	5.80	0.37	6.81%
SZL	50.00	53.40	3.40	6.80%
FTS	22.95	24.50	1.55	6.75%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SFC	17.15	15.95	-1.20	-7.00%
HU1	7.33	6.82	-0.51	-6.96%
CCI	28.85	26.85	-2.00	-6.93%
HOT	22.50	20.95	-1.55	-6.89%
DAT	10.35	9.74	-0.61	-5.89%

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	39,900	SHS	502,400
2	BVS	34,600	MBS	50,000
3	IVS	17,500	NVB	49,900
4	PVI	12,400	HUT	29,300
5	PVS	6,000	PLC	24,200

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	8.90	8.90	0.00%	15,325,815
HUT	15.50	15.50	0.00%	5,229,005
CEO	21.40	21.70	1.40%	4,680,395
MBS	14.40	14.60	1.39%	2,584,648
PVS	25.40	25.30	-0.39%	2,581,689

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGC	72.00	79.10	7.10	9.86%
CMC	6.10	6.70	0.60	9.84%
CKV	11.20	12.30	1.10	9.82%
PHN	36.50	40.00	3.50	9.59%
DIH	28.30	31.00	2.70	9.54%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VLA	60.00	54.00	-6.00	-10.00%
SGD	24.30	21.90	-2.40	-9.88%
GDW	30.90	27.90	-3.00	-9.71%
LDP	7.50	6.80	-0.70	-9.33%
PPY	10.20	9.30	-0.90	-8.82%

(*) Giá điều chỉnh

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	27,690,300	19.7%	2,520	4.3	0.8
HSG	21,318,200	-10.0%	(1,793)	-	1.0
HPG	18,258,840	9.1%	1,459	14.2	1.3
STB	17,607,400	13.8%	2,674	9.5	1.2
VPB	16,599,052	19.2%	2,715	7.7	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	15,325,815	2.1%	224	39.7	0.8
HUT	5,229,005	3.8%	415	37.4	1.4
CEO	4,680,395	7.7%	1,081	19.8	1.5
MBS	2,584,648	13.0%	1,531	9.4	1.2
PVS	2,581,689	6.9%	1,849	13.7	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TGG	7.0%	-5.7%	(823)	-	0.3
BSI	6.9%	3.7%	809	24.2	0.8
LEC	6.8%	-2.4%	(381)	-	0.3
SZL	6.8%	16.7%	5,455	9.2	1.5
FTS	6.8%	10.1%	1,725	13.3	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SGC	9.9%	32.8%	8,311	8.7	2.4
CMC	9.8%	-2.9%	(384)	-	0.5
CKV	9.8%	2.6%	527	21.3	0.6
PHN	9.6%	31.1%	5,064	7.2	2.1
DIH	9.5%	6.6%	1,038	27.3	1.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	1,504,100	9.1%	1,459	14.2	1.3
MBB	1,049,100	24.6%	3,856	4.7	1.0
POW	426,400	6.4%	880	15.1	0.9
VCI	407,500	13.3%	1,999	15.9	2.1
SHB	397,500	19.7%	2,520	4.3	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	39,900	40.1%	7,001	5.6	2.0
BVS	34,600	6.6%	1,988	8.8	0.6
IVS	17,500	2.7%	284	18.3	0.5
PVI	12,400	0.5%	168	290.7	1.5
PVS	6,000	6.9%	1,849	13.7	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	434,445	24.2%	6,316	14.5	3.1
BID	232,692	19.1%	3,597	12.8	2.2
VHM	209,010	20.6%	6,621	7.2	1.4
VIC	203,664	5.7%	2,159	24.7	1.5
GAS	198,477	26.1%	7,732	13.4	3.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	13,650	4.2%	697	56.0	2.3
IDC	12,969	40.1%	7,001	5.6	2.0
KSF	12,240	5.7%	1,243	32.8	1.8
PVS	12,140	6.9%	1,849	13.7	0.9
BAB	11,469	9.1%	1,057	13.3	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	3.14	0.0%	3	1,882.5	0.4
DXG	2.86	1.1%	245	50.3	0.5
NKG	2.71	-1.2%	(253)	-	0.8
LDG	2.65	0.1%	16	274.9	0.3
NHA	2.63	0.5%	45	243.2	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	4.11	3.3%	615	72.8	3.4
APS	3.67	-37.7%	(5,393)	-	0.8
API	3.40	13.2%	1,411	6.1	0.7
CEO	3.40	7.7%	1,081	19.8	1.5
IDJ	3.38	9.8%	866	9.8	0.8

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

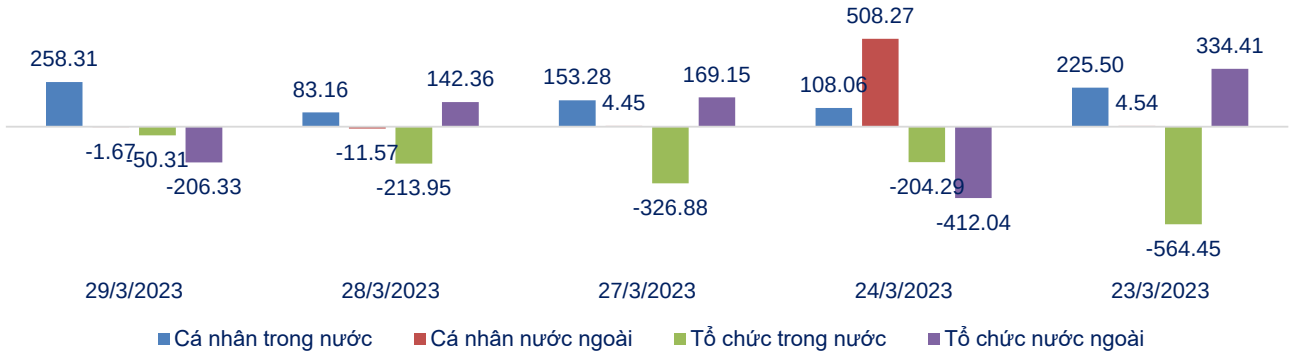

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	51.14	13.8%	2,674	9.5	1.2
SSI	49.07	9.3%	1,367	15.2	1.4
VPB	42.74	19.2%	2,715	7.7	1.4
VIB	42.21	29.7%	4,026	5.3	1.4
VND	37.95	10.0%	1,095	13.9	1.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	-63.44	26.5%	4,053	6.0	1.4
HPG	-21.85	9.1%	1,459	14.2	1.3
MBB	-17.18	24.6%	3,856	4.7	1.0
TV2	-13.85	5.6%	1,135	19.8	1.1
VCI	-12.04	13.3%	1,999	15.9	2.1

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	4.02	9.3%	1,367	15.2	1.4
STB	3.41	13.8%	2,674	9.5	1.2
VCB	0.61	24.2%	6,316	14.5	3.1
MSN	0.53	9.0%	2,511	30.9	3.0
NVL	0.45	5.3%	1,164	10.8	0.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCH	-1.55	1.5%	267	27.6	0.4
GEX	-1.34	1.8%	434	28.8	0.5
ANV	-1.32	25.8%	5,300	6.0	1.4
GAS	-1.24	26.1%	7,732	13.4	3.2
HPG	-1.06	9.1%	1,459	14.2	1.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	63.44	26.5%	4,053	6.0	1.4
VPB	34.76	19.2%	2,715	7.7	1.4
STB	31.15	13.8%	2,674	9.5	1.2
TV2	13.77	5.6%	1,135	19.8	1.1
HAH	8.30	34.3%	11,365	2.9	0.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIB	-42.21	29.7%	4,026	5.3	1.4
VHM	-18.98	20.6%	6,621	7.2	1.4
DGW	-14.34	32.5%	4,186	7.8	2.2
MWG	-14.19	18.5%	2,809	13.9	2.4
VIC	-11.33	5.7%	2,159	24.7	1.5

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	32.43	9.1%	1,459	14.2	1.3
VCB	19.85	24.2%	6,316	14.5	3.1
MBB	19.63	24.6%	3,856	4.7	1.0
VHM	13.99	20.6%	6,621	7.2	1.4
VIC	13.22	5.7%	2,159	24.7	1.5

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-85.70	13.8%	2,674	9.5	1.2
VPB	-77.74	19.2%	2,715	7.7	1.4
SSI	-48.57	9.3%	1,367	15.2	1.4
GMD	-40.43	13.3%	3,302	15.6	2.0
VND	-38.48	10.0%	1,095	13.9	1.3

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

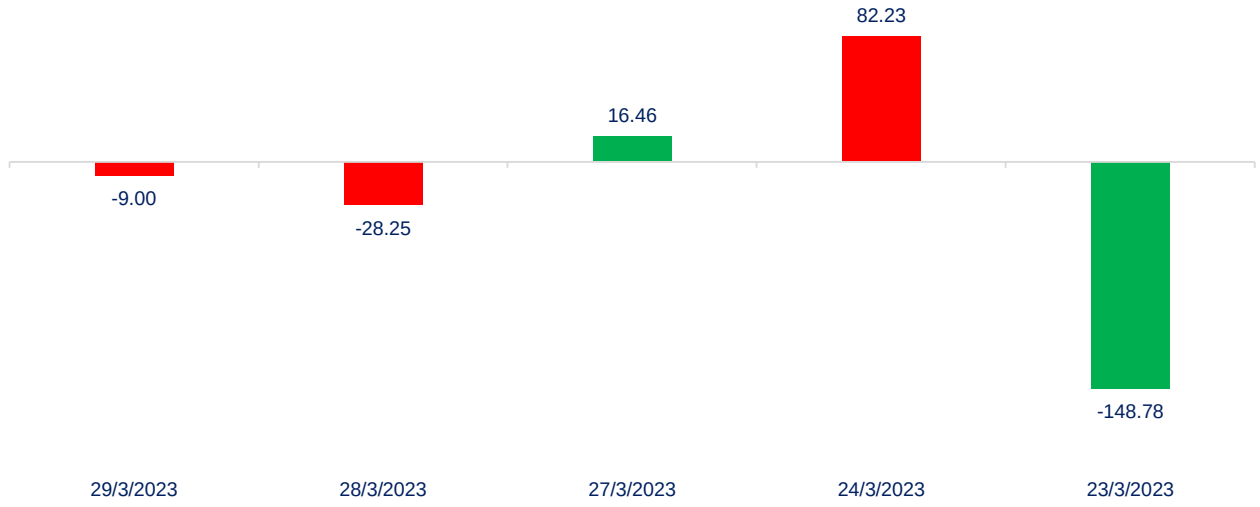

Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)

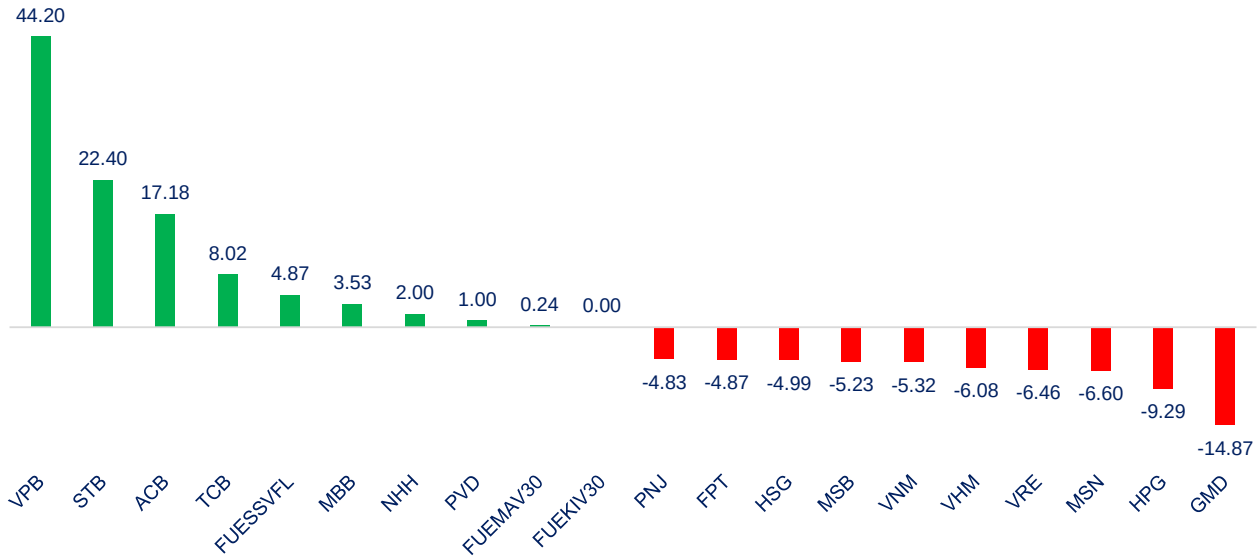

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn